

MARKET LENS

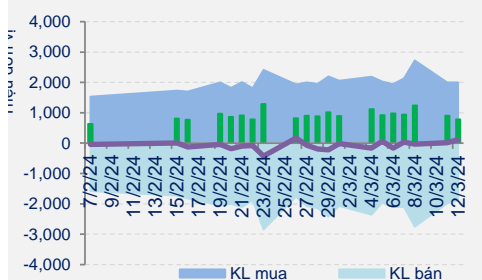
Phiên giao dịch ngày: 12/3/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

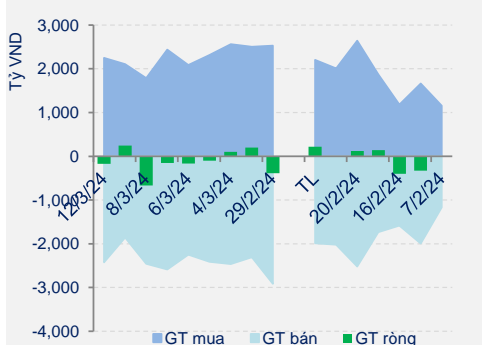
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,245.00	234.03
% Thay đổi	↑ 0.77%	↑ 0.08%
KLGD (CP)	781,695,579	83,714,124
GTGD (tỷ đồng)	20,720.92	1,735.39
Tổng cung (CP)	1,887,918,825	136,391,800
Tổng cầu (CP)	2,006,646,089	125,457,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	77,376,881	5,093,632
KL mua (CP)	65,938,171	3,140,094
GT mua (tỷ đồng)	2,253.32	92.35
GT bán (tỷ đồng)	2,425.44	108.39
GT ròng (tỷ đồng)	(172.12)	(16.04)

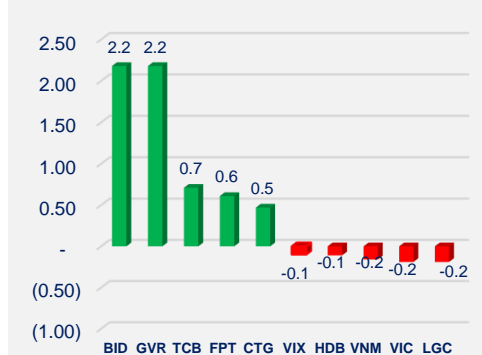
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau hơn 04 tháng, ngày 11/03/2024 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chào bán tín phiếu trở lại. NHNN đã phát hành gần 15.000 tỷ đồng tín phiếu 28 ngày với 6/18 thành viên tham gia trúng thầu, lãi suất 1,4%/năm. Động thái của NHNN diễn ra trong bối cảnh tỷ giá tăng nóng trong những tuần gần đây và thanh khoản hệ thống có phần dồi dào trở lại khi tăng trưởng tín dụng ở mức thấp. Việc NHNN mở lại hoạt động chào thầu tín phiếu có nét tương đồng so với hồi trung tuần tháng 9/2023 khi tỷ giá USD/VND chịu nhiều áp lực và lãi suất VND liên ngân hàng không có chiều hướng hỗ trợ.

Tâm lý ngắn hạn của thị trường đã trở nên kém lạc quan trước thông tin trên dẫn đến áp lực điều chỉnh khá mạnh phiên trước. Trong phiên hôm nay VN-INDEX phục hồi khá tích cực ở vùng hỗ trợ quanh 1.235 điểm tương ứng đường giá trung bình MA20 ngày. Kết phiên VN-INDEX tăng 9,51 điểm (+0,77%) lên mức 1.245.00 điểm, dưới vùng giá cao nhất tháng 08/2023. VN30 kém tích cực hơn, phục hồi kiểm tra lại đường giá MA20 ngày tương ứng quanh 1.250 điểm. HNX-INDEX tăng 0,19 điểm (0,08%) lên mức 234,03 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực sau 2 phiên chịu áp lực giảm mạnh với 346 mã tăng giá (10 mã tăng trần), 269 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 173 mã giữ giá tham chiếu.

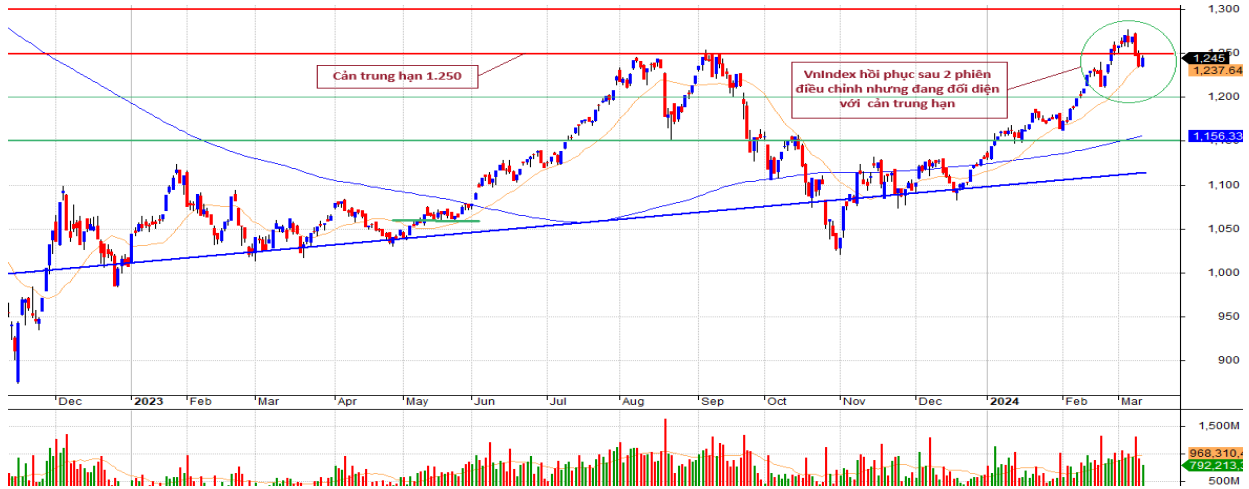
Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 22.445.8 tỷ đồng, giảm 13,07% so với phiên trước, trên mức trung bình. Mức độ phục hồi kém ở nhiều mã sau áp lực điều chỉnh, tuy nhiên thị trường vẫn có nhiều mã rất tích cực, thanh khoản đột biến. Khối ngoại gia tăng giao dịch, bán ròng trên HOSE với giá trị 172,12 tỉ đồng, trong đó tập trung bán ròng mạnh ở nhóm cổ phiếu bán lẻ; bán ròng h trên HNX với giá trị 16,04 tỉ đồng

Mặc dù thị trường phục hồi nhẹ sau 02 phiên chịu áp lực điều chỉnh mạnh, nhưng thị trường vẫn có nhiều mã, nhóm mã có diễn biến tăng giá mạnh, nổi bật là nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su khi nhiều mã vượt đỉnh giá gần nhất, thanh khoản đột biến mạnh như GVR (+6,94%), DPR (+6,94%), SIP (+6,93%), SZC (+3,94%)... ngoài ITA (-1,64%)... Nhóm cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến khá nổi bật khi nhiều mã tăng mạnh như DGW (+6,91%), PET (+4,05%), FRT (+2,27%)...

Các cổ phiếu nhóm Viettel cũng có mức tăng giá mạnh dưới ảnh hưởng tích cực của VTP (+19,9%) khi bắt đầu niêm yết trên HOSE, VTK (+12,05%), CTR (+4,80%), VGI (+2,86%)... Các cổ phiếu công nghệ cũng nhiều mã cũng tăng giá mạnh, vượt đỉnh với thanh khoản gia tăng như ELC (+6,95%), CMG (+3,57%), FPT (+1,73%)....

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng sau áp lực điều chỉnh mạnh với thanh khoản gia tăng đột biến trong hai phiên trước, đa số đã phục hồi trở lại với thanh khoản suy giảm mạnh, mức độ phục hồi kém tích cực và phân hóa mạnh với BID (+2,97%), TCB (+1,98%), LPB (+1,81%).... ngoài các mã giảm điểm nhẹ NVB (-0,93%), SHB (-0,88%), HDB (-0,65%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng phân hóa, đa số biến động nhẹ, thanh khoản suy giảm nhưng vẫn trên mức trung bình như VIX (-3,09%), VFS (-2,44%), SHS (-1,67%), AGR (-1,42%)... BSI (+1,74%), VCI (+1,36%), SBS (+1,30%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 tăng 8,8 điểm (+0,71%), chênh lệch âm thu hẹp -2,43 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước, trên mức trung bình khi VN30 biến động mạnh. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 đang kết thúc giai đoạn tăng trưởng chuyển sang tích lũy dưới kháng cự mạnh quanh 1.245 điểm, tương ứng đường giá trung bình MA20 phiên, hỗ trợ gần nhất quanh 1.220 điểm, giá thấp nhất ngày 26/02/2024. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 2,17 điểm đến -5,43 điểm so với VN30 cho thấy các trader đang có tâm lý kém lạc quan đôi với xu hướng VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường hồi phục sau 2 phiên điều chỉnh khá mạnh nhưng VnIndex vẫn chưa vượt lên trên cản trung hạn 1.250 điểm, chốt phiên Vn-Index tăng +9,51 điểm (+0,77%) và đóng cửa ở 1.245 điểm. Phiên hồi phục hôm nay chúng tôi cũng đã dự báo và không làm thay đổi nhận định động lực tăng ngắn hạn của thị trường đã suy yếu. Vn-Index sẽ tiếp tục đối diện ngưỡng cản trung hạn 1.250 điểm và trong trường hợp lấy lại được mốc này thì chúng tôi cũng không đánh giá cao khả năng Vn-Index hình thành uptrend mạnh mẽ mà nghiêng về kịch bản Vn-Index sẽ giao dịch trong vùng tích lũy trung hạn 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Về góc nhìn trung hạn VnIndex đang cho thấy tín hiệu kết thúc nhịp vận động tăng và bắt đầu suy yếu để hình thành nhịp giảm trong vận động swing, động thái vận động trung hạn như vậy là kịch bản chúng tôi cho rằng có nhiều khả năng xảy ra. Nếu Vn-Index bước vào nhịp giảm thì vận động này cũng là vận động bình thường và phù hợp với kỳ vọng swing tích lũy, chúng tôi cho kênh tích lũy phù hợp sẽ là 1.150 điểm - 1.250 điểm hoặc 1.300 điểm.

VnIndex phục hồi nhưng vẫn chưa vượt lên trên kháng cự 1.250 điểm và có tín hiệu bước vào giai đoạn giảm ngắn hạn, chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích cực ở giai đoạn hiện tại dù VnIndex có nhịp hồi. Nhà đầu tư trung-dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã cơ cấu ổn định theo các khuyến nghị trước đây, chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVD	30.30	27.5-28.3	31-32	26	29.1	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
BWE	43.75	42.5-43.5	50-52	40	12.6	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
SAB	59.10	59-60.5	69-71	56	18.4	-15.0%	-9.3%	Theo dõi giải ngân
PVS	36.30	37-37.8	44-45	35	20.0	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	32.50	22.3	31-32	30	45.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	60.30	45.1	64-65	57	33.7%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	30.30	27.55	32-33	30	10.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	21.55	18.09	23-24	21	19.1%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Quý 1/2024: Doanh thu an toàn thông tin đạt hơn 800 tỷ, số vụ tấn công giảm 38%

Tại hội nghị giao ban Quản lý nhà nước quý 1/2024 với các Sở Thông tin và truyền thông ngày 11/3, báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy, doanh thu lĩnh vực an toàn thông tin mạng ước đạt 804 tỷ đồng, tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2023 (548 tỷ đồng); tỷ lệ doanh thu sản phẩm nội địa so với nước ngoài đạt 46% và nộp ngân sách nhà nước ước đạt 41 tỷ đồng, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm 2023 (31,8 tỷ đồng). Lợi nhuận đạt 54 tỷ đồng, tăng 22,72% so với cùng kỳ 2023 (44 tỷ đồng).

NHNN lại hút thêm 15.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu

NHNN đã hút ròng tổng cộng 30.000 tỷ đồng trong hai phiên liên tiếp, với lãi suất cùng ở mức 1,4%/năm. Ngày 12/3, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) lại tiếp tục mở kênh đấu thầu tín phiếu và hút gần 15.000 tỷ đồng khỏi hệ thống. Tổng cộng có 14 thành viên tham gia đấu thầu, trong đó có 7 thành viên trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở mức 1,4%/năm, kỳ hạn 28 ngày và khối lượng 14.999,7 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch trước, NHNN cũng đã hút gần 15.000 tỷ đồng thông qua kênh tín phiếu, với cùng kỳ hạn và lãi suất như phiên 12/3. Như vậy, trong hai phiên liên tiếp, NHNN đã hút gần 30.000 tỷ đồng khỏi hệ thống, trong khi không có động thái bơm thêm thông qua kênh OMO

Xuất khẩu cà phê năm 2024 có thể đạt kỷ lục mới 5 tỷ USD'

Đây là nhận định của ông Lê Đức Huy, Tổng Giám đốc Công ty Simexco DakLak, doanh nghiệp thuộc Top 3 xuất khẩu cà phê lớn nhất cả nước. Sau khi đạt kỷ lục hơn 4 tỷ USD vào năm ngoái, xuất khẩu cà phê duy trì đà tăng trong hai tháng đầu năm. Theo số liệu từ Tổng Cục Hải quan, trong hai tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu 398.819 tấn cà phê, trị giá hơn 1,2 tỷ USD, tăng 16,4% về khối lượng nhưng tăng tới 68% về giá trị nhờ giá duy trì ở mức cao. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong 2 tháng qua đạt 3.146 USD/tấn, tăng 44% so cùng thời điểm năm ngoái.

Nợ nước ngoài nhích tăng, điểm danh những chủ nợ lớn nhất Việt Nam

Đến cuối tháng 6/2023, dư nợ công của Việt Nam đạt khoảng 3,7 triệu tỷ đồng, tương ứng mức tăng 90 nghìn tỷ so với cuối năm 2022 nhưng có xu hướng giảm so với GDP. Trong đó, nợ nước ngoài tăng nhẹ, Chính phủ chủ yếu vay nợ trong nước... Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) vừa phát hành bản tin nợ công số 17 của Việt Nam giai đoạn 2019 - 6/2023. Số liệu thống kê năm 2022 có thể sẽ được chỉnh lý sau khi quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 được Quốc hội phê chuẩn. Theo đó, thứ nhất, về tình hình vay và trả nợ của Chính phủ, tính đến hết tháng 6/2023, dư nợ của Chính phủ ở mức 3,36 triệu tỷ đồng, tương ứng tăng khoảng 110 nghìn tỷ so với thời điểm cuối năm 2022.



TIN DOANH NGHIỆP

PV Power (POW) đạt 3.604 tỷ đồng doanh thu trong 2 tháng đầu năm, giảm 27%

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, mã POW - sàn HOSE) cho biết doanh thu trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2024 đồng loạt giảm so với cùng kỳ, chủ yếu do phụ tải toàn hệ thống giảm sâu và giá bán điện bình quân thấp. Trong tháng 2, sản lượng phát điện ước đạt 912 triệu kWh, toàn hệ thống PV Power ghi nhận doanh thu đạt 1.589 tỷ đồng, giảm hơn 43% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 ghi nhận 850 tỷ đồng, chiếm hơn một nửa doanh thu; Nhà máy điện Vũng Áng 1 cũng đóng góp 649 tỷ đồng, chiếm gần 41% doanh thu. Tính chung 2 tháng 2024, doanh thu ước tính của POW đạt 3.604 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước (4.974 tỷ đồng).

Hòa Phát (HPG) đặt mục tiêu năm 2024 lãi 10.000 tỷ đồng, chi trả cổ tức 10%

Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (mã chứng khoán HPG - sàn HOSE) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, trong đó trình kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024 với mục tiêu đầy tham vọng. Đại hội đồng cổ đông thường niên Tập đoàn Hòa Phát dự kiến diễn ra vào sáng 11/4 tại Hội trường lớn Grand Ballroom, Khách sạn Melia Hà Nội. Trong tài liệu trình Đại hội, Hòa Phát dự kiến kế hoạch doanh thu toàn Tập đoàn đạt 140.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 10.000 tỷ đồng. Với kế hoạch này, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Hòa Phát tăng lần lượt 17% và 46% so với kết quả năm 2023.

VietinBank Securities (CTS) lên kế hoạch 2024 lãi hơn 280 tỷ đồng, chia cổ tức 10%

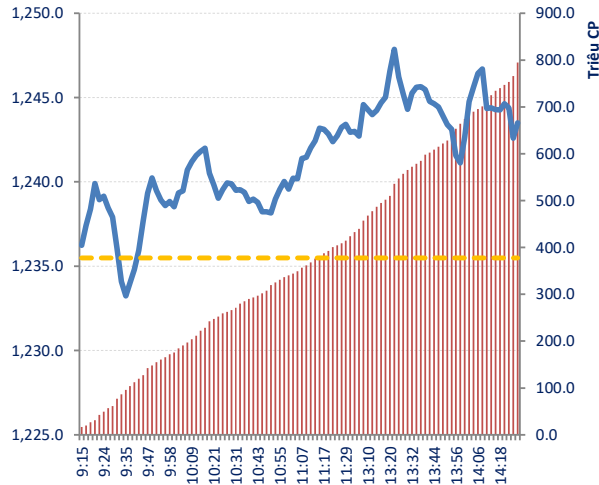
CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities, mã CTS – sàn HOSE) vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Đại hội sẽ được tổ chức ngày 2/4 tới đây, tại Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự đã được thực hiện ngày 4/3. Theo tài liệu đại hội vừa công bố, VietinBank Securities sẽ trình kế hoạch kinh doanh năm 2024 với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 280,233 tỷ đồng và dự kiến chia cổ tức 10%.

Cổ phiếu Viettel Post (VTP) tăng kịch trần với dư mua hơn 2,6 triệu cổ phiếu khi chào sàn HOSE

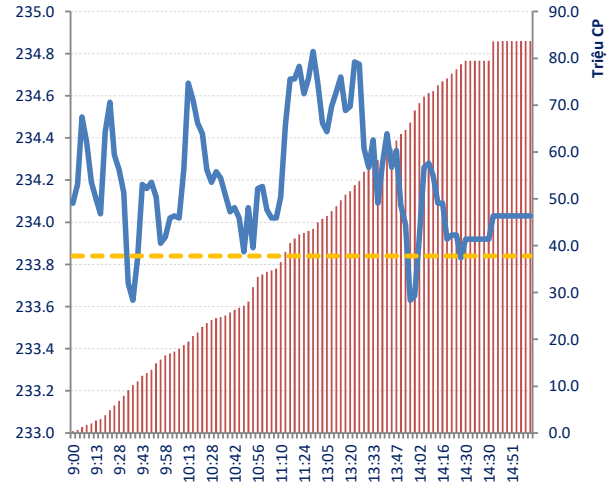
Sáng ngày 12/3, Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post, mã VTP) đã chính thức chào sàn HOSE với giá tham chiếu 65.400 đồng/cổ phiếu, biên độ dao động +/-20%. Chốt phiên giao dịch sáng 12/3/2024, cổ phiếu VTP tăng kịch trần với dư mua trần hơn 2,6 triệu cổ phiếu, lên 78.400 đồng/cổ phiếu. Như vậy, với số lượng cổ phiếu niêm yết gần 121,8 triệu cổ phiếu, ước tính vốn hoá của Viettel Post khoảng 9.547,79 tỷ đồng khi chào sàn HOSE.



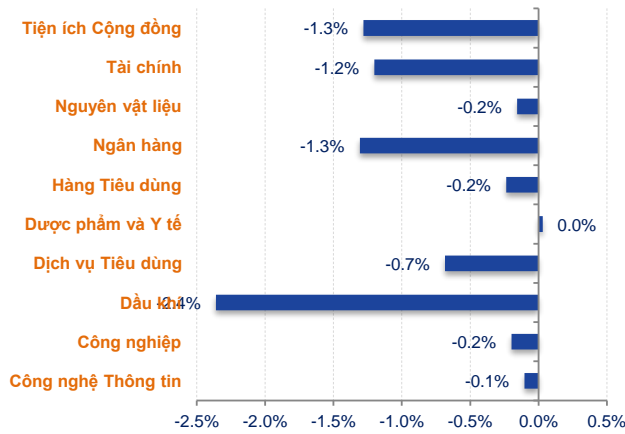
KLGD và VN-Index trong phiên



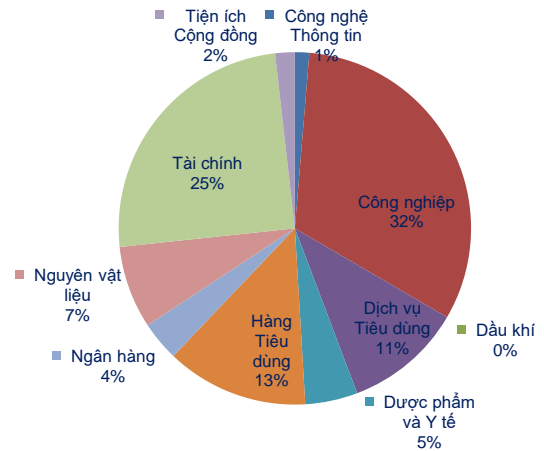
KLGD và HNX-Index trong phiên



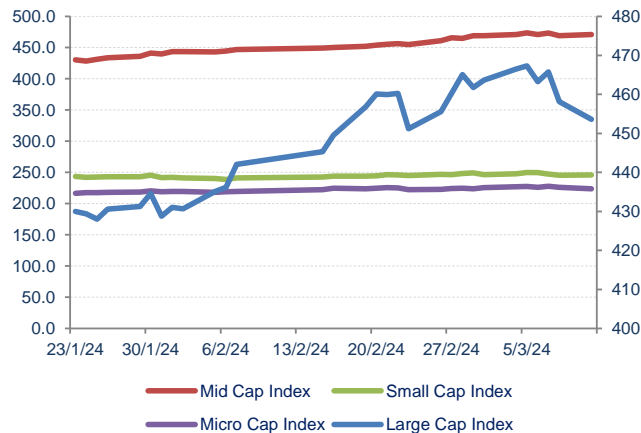
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



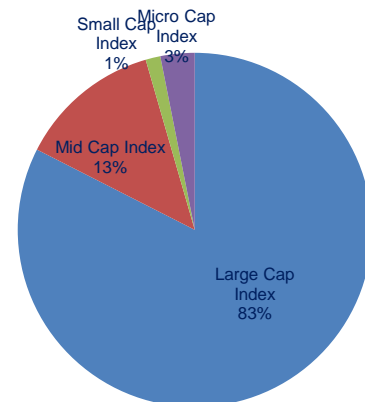
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EIB	3,901,729	VIX	7,667,866	1	TNG	476,600	SHS	2,761,400
2	VRE	2,312,920	MWG	5,589,161	2	IDC	418,812	PVS	486,400
3	STB	1,700,236	SBT	2,841,400	3	DTD	318,600	TIG	232,130
4	HAH	1,482,700	HSG	1,833,265	4	MBS	145,700	CTP	45,000
5	HCM	977,755	GEX	1,496,110	5	GKM	107,500	DHT	40,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	19.40	18.80	↓ -3.09%	34,312,900	SHS	18.00	17.70	↓ -1.67%	18,900,315
VND	22.90	22.60	↓ -1.31%	32,716,901	HUT	18.50	18.50	→ 0.00%	8,266,776
HPG	29.90	30.20	↑ 1.00%	30,690,400	CEO	21.30	21.30	→ 0.00%	6,579,942
SHB	11.40	11.30	↓ -0.88%	27,009,840	MBS	27.90	27.90	→ 0.00%	5,371,628
MBB	22.95	23.10	↑ 0.65%	24,560,200	PVS	36.30	36.30	→ 0.00%	5,277,063

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ELC	22.30	23.85	1.55	↑ 6.95%	BBS	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
DPR	34.60	37.00	2.40	↑ 6.94%	NFC	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%
GVR	29.55	31.60	2.05	↑ 6.94%	VTV	5.30	5.80	0.50	↑ 9.43%
SIP	85.10	91.00	5.90	↑ 6.93%	VGP	25.50	27.90	2.40	↑ 9.41%
SMC	11.55	12.35	0.80	↑ 6.93%	TA9	12.80	14.00	1.20	↑ 9.38%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	61.90	57.60	-4.30	↓ -6.95%	VCM	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
PDN	115.00	109.00	-6.00	↓ -5.22%	VC9	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
VSI	18.40	17.55	-0.85	↓ -4.62%	SAF	57.10	51.40	-5.70	↓ -9.98%
PIT	6.54	6.24	-0.30	↓ -4.59%	CMC	6.70	6.10	-0.60	↓ -8.96%
ADG	19.90	19.00	-0.90	↓ -4.52%	VE1	3.40	3.10	-0.30	↓ -8.82%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	34,312,900	11.6%	1,444	13.4	1.5
VND	32,716,901	13.0%	1,657	13.8	1.7
HPG	30,690,400	6.9%	1,175	25.4	1.7
SHB	27,009,840	16.1%	2,064	5.5	0.8
MBB	24,560,200	23.5%	3,966	5.8	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,900,315	5.7%	688	26.2	1.4
HUT	8,266,776	0.6%	82	226.0	1.5
CEO	6,579,942	3.1%	408	52.2	1.8
MBS	5,371,628	12.3%	1,334	20.9	2.4
PVS	5,277,063	6.6%	1,812	20.0	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ELC	↑ 7.0%	7.5%	937	23.8	1.6
DPR	↑ 6.9%	6.8%	2,374	14.6	1.0
GVR	↑ 6.9%	4.8%	646	45.7	2.2
SIP	↑ 6.9%	24.8%	5,260	16.2	3.8
SMC	↑ 6.9%	-69.6%	(11,946)	-	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BBS	↑ 10.0%	5.0%	895	11.2	0.6
NFC	↑ 9.8%	14.0%	1,789	7.4	1.0
VTV	↑ 9.4%	1.3%	170	31.2	0.4
VGP	↑ 9.4%	9.1%	2,523	10.1	0.9
TA9	↑ 9.4%	14.7%	1,853	6.9	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	3,901,729	10.1%	1,244	14.4	1.4
VRE	2,312,920	12.4%	1,940	12.6	1.5
STB	1,700,236	18.3%	4,094	7.4	1.2
HAH	1,482,700	12.7%	3,526	12.0	1.4
HCM	977,755	8.3%	1,183	23.5	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	476,600	12.9%	1,988	11.0	1.3
IDC	418,812	22.6%	4,221	13.6	3.1
DTD	318,600	19.5%	4,328	6.6	1.1
MBS	145,700	12.3%	1,334	20.9	2.4
GKM	107,500	13.2%	1,523	22.2	3.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	525,933	21.7%	5,910	15.9	3.1
BID	287,872	19.0%	3,781	13.4	2.3
VHM	185,278	20.0%	7,607	5.6	1.0
CTG	183,385	17.0%	3,723	9.2	1.4
GAS	178,686	18.4%	5,053	15.4	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,008	22.6%	4,221	13.6	3.1
PVS	17,350	6.6%	1,812	20.0	1.3
HUT	16,511	0.6%	82	226.0	1.5
SHS	14,637	5.7%	688	26.2	1.4
THD	13,398	3.0%	470	74.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	2.94	15.8%	1,946	5.7	0.8
VPG	2.72	1.3%	232	69.6	0.9
GIL	2.59	1.1%	395	79.5	0.9
VNE	2.40	1.1%	139	44.7	0.5
POM	2.18	-45.6%	(3,445)	-	0.9

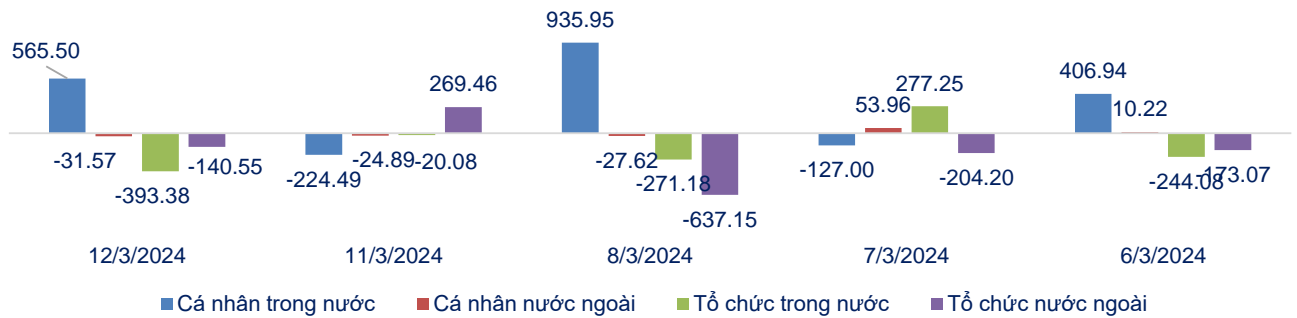
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.14	5.4%	758	15.4	1.1
HCT	3.13	-4.4%	(871)	-	0.5
VGS	2.92	6.1%	1,090	22.5	1.3
DTD	2.40	19.5%	4,328	6.6	1.1
ITQ	2.36	0.6%	62	58.5	0.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	283.25	0.7%	115	404.9	2.9
VIX	148.88	11.6%	1,444	13.4	1.5
VPB	90.70	8.3%	1,445	12.8	1.1
HSG	82.11	7.5%	1,321	16.6	1.2
FPT	72.87	23.4%	5,101	21.6	4.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-73.96	18.3%	4,094	7.4	1.2
EIB	-71.68	10.1%	1,244	14.4	1.4
PC1	-63.77	1.9%	439	63.5	1.2
VRE	-52.76	12.4%	1,940	12.6	1.5
FRT	-49.87	-18.3%	(2,537)	-	12.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	7.61	0.7%	115	404.9	2.9
VNM	7.53	26.2%	4,248	16.5	4.2
SSI	3.70	10.1%	1,531	23.7	2.3
PVD	3.21	4.0%	1,040	28.9	1.1
HDB	2.74	23.6%	3,482	6.6	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PTB	-31.65	10.5%	4,309	14.0	1.4
SHB	-7.96	16.1%	2,064	5.5	0.8
PC1	-7.05	1.9%	439	63.5	1.2
HPG	-5.26	6.9%	1,175	25.4	1.7
CNG	-4.28	18.8%	3,142	9.9	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	58.88	1.9%	439	63.5	1.2
FCN	32.18	-0.3%	(68)	-	0.7
SAB	30.54	16.4%	3,210	18.5	3.0
NVL	30.08	1.8%	413	38.9	0.7
FUESSVFL	28.28	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-73.25	8.3%	1,445	12.8	1.1
FPT	-72.86	23.4%	5,101	21.6	4.7
NLG	-71.47	3.6%	1,259	33.3	1.2
HPG	-42.31	6.9%	1,175	25.4	1.7
HSG	-41.95	7.5%	1,321	16.6	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	70.74	10.1%	1,244	14.4	1.4
HAH	65.01	12.7%	3,526	12.0	1.4
VRE	57.33	12.4%	1,940	12.6	1.5
STB	52.46	18.3%	4,094	7.4	1.2
FRT	51.64	-18.3%	(2,537)	-	12.2

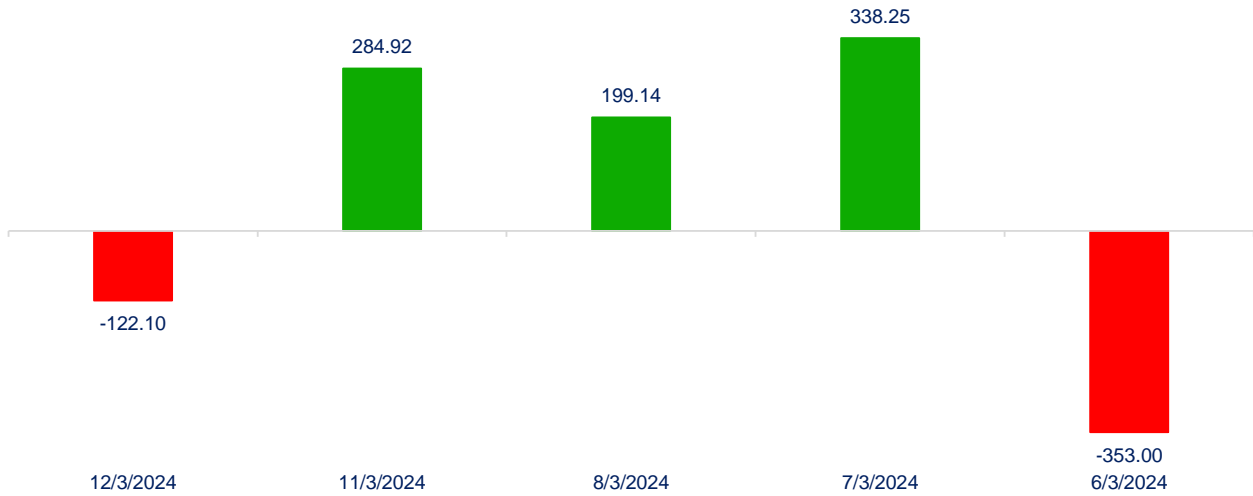
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-270.33	0.7%	115	404.9	2.9
VIX	-147.19	11.6%	1,444	13.4	1.5
VNM	-61.56	26.2%	4,248	16.5	4.2
MSN	-54.86	1.1%	293	264.2	2.9
HSG	-39.28	7.5%	1,321	16.6	1.2

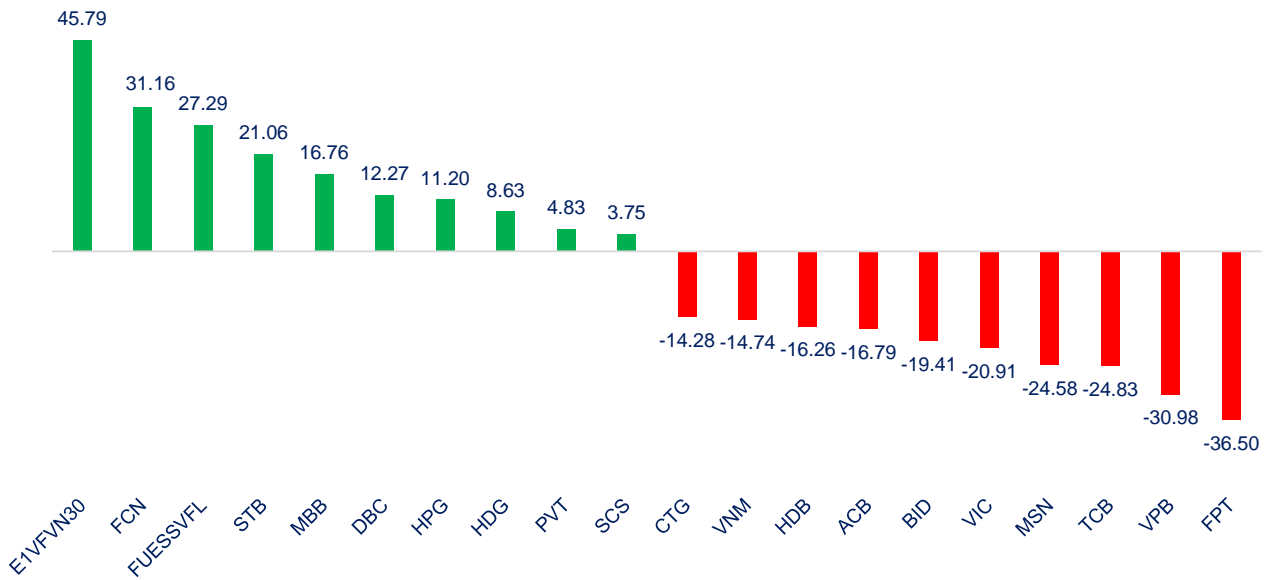


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn